

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LỤC NGẠN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST

Ngày 01-7-2020

V/v: *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hiếu.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Đăng Thanh, Ông Giáp Văn Phẩm.

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Diệp Văn Vĩ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa:*  
Ông Vương Văn Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXX-ST ngày 02 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2020/QĐST-HPT ngày 17/6/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị L, sinh năm 1976 (Có mặt)

Bị đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Đều trú tại: Thôn Thượng B, xã Đồng Cốc, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 13/02/2020 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Bùi Thị L trình bày:

Chị kết hôn với anh Hoàng Văn T vào năm 1994. Trước khi cưới có được tự do tìm hiểu và thỏa thuận, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới chị về gia đình anh T chung sống với nhau tại thôn Thượng B, xã Đồng Cốc, huyện Lục Ngạn. Tình cảm ban đầu hòa thuận, hạnh phúc từ khi cưới đến tháng

9 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra to tiếng với nhau, bất đồng về kinh tế và nuôi dạy các con. Chị về nhà bố mẹ để sinh sống không quay lại nhà anh T nữa. Vợ chồng cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ thời gian đó cho đến nay. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị được ly hôn anh Hoàng Văn T.

-Về con chung: Vợ chồng sinh được hai con chung là Hoàng Văn Đ, sinh ngày 15/6/1995 và cháu Hoàng Thị T, sinh ngày 03/5/1998. Sau khi ly hôn đối với hai con chung các cháu đã trưởng thành, có cuộc sống riêng tự lo cho bản thân mình được, chị không có yêu cầu đề nghị gì cũng không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

-Về tài sản, công nợ chung, đất ruộng nông nghiệp: Vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

-Về án phí: Chị xin được chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 13/5/2020 Tòa án đã đến gia đình anh Hoàng Văn T giải thích quyền và nghĩa vụ, giao thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho anh Hoàng Văn T. Tòa án ghi lại lời khai của anh T trình bày: Anh kết hôn với chị Bùi Thị L từ năm 1994 trước khi cưới hai bên có được tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Cưới xong chị L có về gia đình anh làm dâu tại thôn Thượng B, xã Đồng Cốc, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống với nhau vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra to tiếng, đánh cãi chửi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 9 năm 2017 cho đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, thời gian ly thân đã lâu không thể hàn gắn được nữa chị L xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Hoàng Văn Đ, sinh ngày 15/6/1995 và cháu Hoàng Thị T, sinh ngày 03/5/1998. Sau khi ly hôn đối với hai con chung các cháu đã trưởng thành, có cuộc sống riêng tự lo cho bản thân mình được, anh không có yêu cầu đề nghị gì cũng không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

-Về tài sản, công nợ chung, đất ruộng nông nghiệp: Vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại biên xác minh ngày 13/5/2020 ông Hoàng Văn H trưởng thôn Thượng B, xã Đồng Cốc, huyện Lục Ngạn. Chị Bùi Thị L và anh Hoàng Văn T lấy nhau từ năm 1994. Sau khi cưới vợ chồng có về chung sống và đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn

Thượng B, xã Đồng Cốc trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh một số mâu thuẫn nhưng nguyên nhân cụ thể là gì thì ban quản lý thôn không được biết vì chưa phải đứng ra hòa giải lần nào. Chị L không còn chung sống một nhà với anh T đã được một thời gian dài. Vợ chồng có hai người con chung là Hoàng Văn Đ, sinh ngày 15/6/1995 và cháu Hoàng Thị T, sinh ngày 03/5/1998. Hiện nay hai cháu đã trưởng thành có cuộc sống riêng và đang đi làm ăn ở xa thì thoảng có về thăm gia đình. Nay chị L có đơn đề nghị xin ly hôn đối với anh Hoàng Văn T quan điểm của ban quản lý hôn đề nghị Tòa án thu thập xác minh giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

Tại phiên tòa hôm nay chị Bùi Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn đối với anh Hoàng Văn T. Bị đơn là anh Hoàng Văn T tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Hoàng Văn T tại phiên tòa vắng mặt không lý do là không thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiếp tục đưa vụ án ra xét xử là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị L, cho chị Bùi Thị L được ly hôn anh Hoàng Văn T.

- Về con chung: Do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản, công nợ chung, ruộng canh tác: Do đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Bùi Thị L là nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Chị Bùi Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang giải quyết cho anh và anh Hoàng Văn T được ly hôn. Bị đơn anh Hoàng Văn T là người có địa chỉ cư trú tại thôn Thượng B, xã Đồng Cốc, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Như vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho anh Hoàng Văn T đúng theo quy định tại khoản 5 Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ngày 17/6/2020 Hội đồng xét xử sơ thẩm hoãn phiên tòa lần thứ nhất vì anh T vắng mặt không lý do, đồng thời triệu tập lần 2, tổng đạt văn bản tố tụng cho anh Hoàng Văn T nhưng anh T vẫn vắng mặt.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 13/5/2020 Tòa án đã đến gia đình anh Hoàng Văn T giải thích quyền và nghĩa vụ, giao thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho anh Hoàng Văn T. Tòa án ghi lại lời khai của anh T trình bày: Anh kết hôn với chị Bùi Thị L từ năm 1994 trước khi cưới hai bên có được tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Cưới xong chị L có về gia đình anh làm dâu tại thôn Thượng B, xã Đồng Cốc, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống với nhau vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra to tiếng, đánh cãi chửi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 9 năm 2017 cho đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, thời gian ly thân đã lâu không thể hàn gắn được nữa chị L xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Hoàng Văn Đ, sinh ngày 15/6/1995 và cháu Hoàng Thị T, sinh ngày 03/5/1998. Sau khi ly hôn đối với hai con chung các cháu đã trưởng thành, có cuộc sống riêng tự lo cho bản thân mình được, anh không có yêu cầu đề nghị gì cũng không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

-Về tài sản, công nợ chung, đất ruộng nông nghiệp: Vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Như vậy bản thân anh T được biết nhưng cố tình vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải gây khó khăn cho Tòa án trong việc giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ

vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục đưa vụ án ra giải quyết theo quy định.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị L và anh Hoàng Văn T kết hôn với nhau vào năm 1994, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu và thỏa thuận, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Như vậy đây là hôn nhân hợp pháp, đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Thời điểm vợ chồng chị L, anh T xảy ra mâu thuẫn được xác định vào khoảng tháng 9 năm 2017, nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có chung quan điểm trong việc phát triển kinh tế gia đình và nuôi dạy các con, dẫn đến thường xảy ra cãi vã, xô sát. Chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, cắt đứt mọi quan hệ tình cảm với anh T từ đó cho đến nay. Xét thấy thời gian vợ chồng chị L, anh T sống ly thân đã lâu, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị L để xử cho chị L và anh T được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Bùi Thị L và anh Hoàng Văn T sinh được hai người con chung là Hoàng Văn Đ, sinh ngày 15/6/1995 và cháu Hoàng Thị T, sinh ngày 03/5/1998. Ly hôn chị L, anh T xác định các cháu đã trưởng thành có cuộc sống riêng nên không có yêu cầu đề nghị gì, do vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị Bùi Thị L là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271, khoản 1 Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Bùi Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị L được ly hôn anh Hoàng Văn T.

2. Về án phí: Chị Bùi Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2019/0001233 ngày 23 tháng 4 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn. Chị Bùi Thị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Án xử công khai sơ thẩm./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- UBND xã Bình Sơn, huyện Lục Nam;
- Cổng thông tin điện tử TAND tối cao;
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Hiếu**